

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03/12/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NH DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung;

2. Ông Nguyễn Ngọc Dũng;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Hiếu - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:**

1. *Nguyên đơn:* Bà Le Ngọc Th, sinh năm 1995; nơi cư trú: Số A, đường B, Tổ C, Khu phố D, phường E, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Thanh Đ, sinh năm 1994; nơi cư trú: Số H, Tổ M, đường N, Khu phố L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/07/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Le Ngọc Th trình bày:

Bà Le Ngọc Th với ông Phan Thanh Đ đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn bà Th và ông Đ sinh sống tại số H, Tổ M, đường N, Khu phố L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do ông Đ nghiện ma túy, chỉ lo ăn chơi không chịu đi làm để lo cho gia đình. Bà Th đã nhiều lần khuyên nhưng ông Đ không thay đổi, bà và ông Đ đã ly thân từ năm 2019 đến nay không hàn gắn được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn Nh không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan Thanh Đ.

Về con chung: Ông Phan Thanh Đ và bà Le Ngoc Th có 02 con chung là cháu Phan Ngoc Bao T, sinh ngày 22/08/2016 và Phan Thanh Nh, sinh ngày 30/03/2018. Hiện nay các cháu đang sống cùng với bà Th, ông Đ nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định nên bà yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Th không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Phan Thanh Đ: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th, không có yêu cầu phản tố đối với vụ án.

*Tại phiên tòa,*

- Nguyên đơn bà Le Ngoc Th có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn ông Phan Thanh Đ đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, bị đơn ông Phan Thanh Đ không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Do nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Phan Thanh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Ngày 09/7/2021, bà Le Ngoc Th có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Phan Thanh Đ nên đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn Nh và Gia đình năm 2014 và Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2]. *Về thẩm quyền:* Bị đơn ông Phan Thanh Đ sinh sống và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số H, Tổ M, đường N, Khu phố L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1

Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn là ông Phan Thanh Đ nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn bà Le Ngoc Th có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Le Ngoc Th và ông Phan Thanh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, ngày 29/02/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông Đ là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bà Th trình bày, bà và ông Đ sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do ông Đ sử dụng ma túy chỉ lo ăn chơi, không chịu làm ăn để lo cho gia đình. Bà Th và ông Đ sống ly thân từ năm 2019 nhưng không hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Xét thấy, tại Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân giữa ông Đ và bà Th, UBND phường P cung cấp “ông Đ và bà Th có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông Đ sử dụng ma túy và hiện nay ông Đ, bà Th không còn sống chung với nhau”. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Đ nhiều lần để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông Đ không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th, điều này chứng tỏ ông Đ không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà Le Ngoc Th và ông Phan Thanh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc xin ly hôn với ông Đ.

[2.2] Về con chung: Ông Phan Thanh Đ và bà Le Ngoc Th có 02 con chung là cháu Phan Ngoc Bao T, sinh ngày 22/08/2016 và Phan Thanh Nh, sinh ngày 30/03/2018. Bà Th yêu cầu được nuôi các con chung. Xét thấy hiện nay cháu T, cháu Nh còn nhỏ, đang sống cùng với bà Th. Bà Th có Th nhập và chỗ ở ổn định. Ông Đ nghiện ma túy, không có việc làm ổn định, không đảm bảo khả năng để nuôi con. Do đó, để đảm bảo ổn định về chỗ ở cũng như sự phát triển tâm sinh lý của cháu T, cháu Nh, việc giao các cháu cho bà Th nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên ông Đ không phải cấp dưỡng.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét thấy, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Le Ngoc Th phải chịu án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); ông Phan Thanh Đ không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Le Ngoc Th đối với ông Phan Thanh Đ về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn Nh: Bà Le Ngoc Th được ly hôn với ông Phan Thanh Đ.

- Về con chung: Giao cháu Phan Ngoc Bao T, sinh ngày 22/08/2016 và Phan Thanh Nh, sinh ngày 30/03/2018 cho bà Le Ngoc Th trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không yêu cầu nên ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn Nh và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Le Ngoc Th phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0056497 ngày 04/08/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường P;
- Đường sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Nga**